

Số: 65/SG.18

Sa Đéc, ngày 06 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(6 tháng đầu năm 2018)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CII-3, KCN C, TP Sa Đéc, Đồng Tháp
- Điện thoại: 02773.763.155 – 02773.764.479 Fax: 02773.763.152
- Vốn điều lệ: 71.475.800
- Mã chứng khoán: SGC

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 1 | 01/2018/NQ-ĐHCD | 27/04/2018 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2017- Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018- Thông qua kế hoạch thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 và Thưởng vượt HĐQT nếu vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018- Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018- Thông qua trích Quỹ xã hội từ thiện năm 2018 |



| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh - Không thông qua điều lệ Công ty CP XNK Sa Giang - Không thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty - Không thông qua phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu |
|--|--|--|--|

II. Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2018)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)

| Stt | Thành viên HDQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên HDQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------------|---------------------------------|--|---------------------------------|-------|---------------------------|
| 1 | Ô. Phạm Hữu Quá | Chủ tịch HDQT | | 2 | 100% | |
| 2 | Ô. Nguyễn Văn Kiệm | Thành viên HDQT, Tổng GD | | 2 | 100% | |
| 3 | Ô. Mai Hoàng Tâm | Thành viên HDQT, Phó Tổng GD | | 2 | 100% | |
| 4 | Ô. Lê Văn Phúc | Thành viên HDQT | | 2 | 100% | |
| 5 | Ô. Phạm Thanh Hùng | Thành viên HDQT | | 2 | 100% | |
| 6 | Ô. Phạm Thành Đô | Thành viên HDQT | | 2 | 100% | |
| 7 | Ô. Nguyễn Ngọc Vũ Chương | Thành viên HDQT | | 2 | 100% | |

2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Giám đốc:

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, HDQT đã thẳng thừng chất vấn Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyết định của HDQT và ĐH đồng cổ đông (Ban Tổng giám đốc được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HDQT).

- Giám sát chặt chẽ công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng kinh tế, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ.

- Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư mua sắm; cải tiến máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

- Giám sát chiến lược giảm giá thành, phát triển thị trường

- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 27/04/2018

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

3.1 Tiểu ban Chiến lược gồm:

- Ông Mai Hoàng Tâm: Phó Tổng giám đốc kinh doanh – Trưởng tiểu ban
- Ông Phạm Thanh Hùng: Thành viên
- Ông Phạm Thành Đô: Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương: Thành viên
- Bà Mật Bích Khuây: Phó Tổng giám đốc sản xuất – Thành viên

Tham mưu cho HĐQT xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh 5 năm (2015-2020) như: Chiến lược về thị trường, phát triển sản phẩm, về đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ

Trong kỳ, Tiểu ban chiến lược không có cuộc họp riêng.

3.2 Tiểu ban nhân sự gồm:

- Ông Nguyễn Văn Kiệm: Tổng giám đốc – Trưởng tiểu ban
- Ông Lê Văn Phúc: Thành viên
- Bà Đặng Thị Ngọc Hương: Trưởng phòng nhân sự - Thành viên

Tham mưu cho HĐQT về các chính sách lương, thưởng và công tác đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ cấp trung.

Trong kỳ, Tiểu ban chiến lược không có cuộc họp riêng.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2018): Không

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------|----------|
| | | | |
| | | | |

III. Ban kiểm soát (6 tháng đầu năm 2018)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|------------|--|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | B. Huỳnh Thị Bé Ngọc | Trưởng BKS | | 1 | 100% | |
| 2 | B. Hồng Lệ Vân | TV BKS | | 1 | 100% | |
| 3 | Ô Nguyễn Dương Thảo | TV BKS | | 1 | 100% | |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát hoạt động Công ty: Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành và việc tuân thủ các qui định pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Giám sát hoạt động tài chính và các báo cáo tài chính của công ty. Kiểm soát nội bộ và kiểm soát việc thực hiện qui chế tài chính. Giám sát công bố thông tin định kỳ, bất thường theo qui định luật chứng khoán.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Trong tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham dự của Ban kiểm soát.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng đã cung cấp tất cả nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT và các văn bản liên quan đến việc quản trị điều hành Công ty khi có yêu cầu từ Ban kiểm soát.

- BKS được HĐQT, BGD hỗ trợ tạo điều kiện để thuận lợi hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ.

4. Hoạt động khác của BKS: không

IV. Đào tạo về quản trị công ty: không

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (6 tháng đầu năm 2018) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: (Đính kèm danh sách 01)

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | TK GDC K | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|---------------------|----------|------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---|---|-------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---|--|---------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: **không**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi Chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|--|---------------------|--|---------|
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): **không**

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: **không**

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: **không**

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2018)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: (Đính kèm danh sách 02)

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi Chú |
|-----|--------|--|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | | | | | | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với CP của công ty niêm yết: **không**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | |

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (6 tháng đầu năm 2018): **không**

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu: VT, HĐQT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Hữu Quát

*** Danh sách 01:**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | TK GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm ko còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|----------------------|------------------|---------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---|--|-------|
| 1 | Phạm Hữu Quá | | Chủ tịch HĐQT | | | | | |
| 1.1 | Phạm Thị Ngọc Sang | | Trưởng Phòng Kinh Doanh | | | | | |
| 1.2 | Phạm Hữu Trọng | | P. Quản đốc Phân xưởng Cơ khí | | | | | |
| 1.3 | Lâm Văn Cường | | Quản đốc Phân xưởng Cơ khí | | | | | |
| 2 | Nguyễn Văn Kiệt | | Thành Viên HĐQT - Tổng Giám đốc | | | | | |
| 3 | Mai Hoàng Tâm | | Thành Viên HĐQT - P.Tổng GD | | | | | |
| 3.1 | Huỳnh Thị Thùy Trang | | | | | | | |
| 3.2 | Mai Thúy Phượng | | | | | | | |
| 4 | Lê Văn Phúc | | Thành Viên HĐQT | | | | | |
| 4.1 | Trần Thị Thanh Thúy | | | | | | | |



| | | | | | | | |
|-----|-------------------------|--|-------------------------|--|--|---|---|
| 5 | Phạm Thanh Hùng | | Thành Viên HDQT | | | | |
| 5.1 | Nguyễn Thị Hồng Lan | | | | | | |
| 6 | Phạm Thành Đô | | Thành Viên HDQT | | | | |
| 7 | Nguyễn Ngọc Vũ Chương | | Thành Viên HDQT | | | | |
| 8 | Nguyễn Ngọc Huyền Trang | | Kế Toán trưởng | | | | |
| 8.1 | Trần Chí Vĩ | | | | | | |
| 9 | Mật Bích Khuây | | P. Tổng GD | | | | |
| 9.1 | Nguyễn Văn Thêm | | | | | | |
| 10 | Huỳnh Thị Bé Ngọc | | Trưởng ban Kiểm Soát | | | 26/04/2016 | Bổ nhiệm theo quyết định số 01/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2016 |
| 11 | Hồng Lệ Vân | | TV. Ban Kiểm Soát | | | Trước ngày 26/04/2016 giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát. | Bổ nhiệm theo quyết định số 01/2016/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2016 |



| | | | | | | | | |
|----|---------------------|--|-------------------|--|--|--|--|--|
| 12 | Nguyễn Dương Thảo | | TV. Ban Kiểm Soát | | | | | |
| 13 | Đặng Thị Ngọc Hương | | Thư ký Công ty | | | | | |
| 14 | Nguyễn Văn Sang | | Cán bộ CBTT | | | | | |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Hữu Quát



*** Danh sách 02:**

| STT | Họ tên | TK GDCK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------|---------------------------------|-------------------------------------|---------|----------------------------|----------------------|---------|
| 1 | Phạm Hữu Quá | | Chủ tịch HĐQT | | | 39,841 | 0.56% | |
| 1.1 | Phạm Thị Ngọc Sang | | Trưởng Phòng Kinh Doanh | | | 0 | 0% | |
| 1.2 | Phạm Hữu Trọng | | P. Quản đốc Phân xưởng Cơ khí | | | 0 | 0% | |
| 1.1 | Lâm Văn Cường | | Quản đốc Phân xưởng Cơ khí | | | 61.482 | 0.86% | |
| 2 | Nguyễn Văn Kiệt | | Thành Viên HĐQT - Tổng Giám đốc | | | 50,938 | 0.71% | |
| 3 | Mai Hoàng Tâm | | Thành Viên HĐQT - P.Tổng GD | | | 58,909 | 0.82% | |
| 3.1 | Huỳnh Thị Thùy Trang | | | | | 17,100 | 0.24% | |
| 3.2 | Mai Thúy Phượng | | | | | 9,600 | 0.13% | |
| 4 | Lê Văn Phúc | | Thành Viên HĐQT | | | 113,202 | 1.51% | |
| 4.1 | Trần Thị Thanh Thúy | | | | | 908.535 | 12.71% | |
| 5 | Phạm Thanh Hùng | | Thành Viên HĐQT | | | 184,138 | 2.58% | |
| 5.1 | Nguyễn Thị Hồng Lan | | | | | 10,260 | 0.14% | |
| 6 | Phạm Thành Đô | | Thành Viên HĐQT | | | 0 | 0% | |
| 7 | Nguyễn Ngọc Vũ Chương | | Thành Viên | | | | 0% | |



| | | | | | | | | |
|-----|-------------------------|--|----------------------|--|--|--------|-------|--|
| | | | HDQT | | | 0 | | |
| 8 | Nguyễn Ngọc Huyền Trang | | Kế Toán trưởng | | | 0 | 0% | |
| 8.1 | Trần Chí Vĩ | | | | | 0 | 0% | |
| 9 | Mật Bích Khuây | | P. Tổng GD | | | 50,540 | 0.71% | |
| 9.1 | Nguyễn Văn Thêm | | | | | 16,803 | 0.24% | |
| 10 | Huỳnh Thị Bé Ngọc | | Trưởng ban Kiểm Soát | | | 0 | 0% | |
| 11 | Hồng Lệ Vân | | TV. Ban Kiểm Soát | | | 0 | 0% | |
| 12 | Nguyễn Dương Thảo | | TV. Ban Kiểm Soát | | | 8,820 | 0.12% | |
| 13 | Đặng Thị Ngọc Hương | | Thư ký Công ty | | | 2,544 | 0.04% | |
| 14 | Nguyễn Văn Sang | | Cán bộ CBTT | | | 0 | 0% | |



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Hữu Quát